TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 7 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH *PHỐ* THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: Tổ 90, Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Tổ 40, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: Tổ 90, Khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Tổ 40, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc Tr trình bày:*** Bà Bùi Thị Ngọc Tr và ông Nguyễn Thành C tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/8/1997. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, dù cuộc sống khó khăn nhưng ai cũng tu chí làm ăn, cùng nhau chăm sóc cho con và xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, thời gian gần đây ông C đã thay đổi, thường xuyên uống rượu say xỉn rồi về gây sự, chửi mắng bà Tr vô cớ, bà Tr đã khuyên can rất nhiều nhưng ông C không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà Tr đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống khoảng 02 năm nay. Nay bà Tr nhận thấy không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn

Thành C.

Về con chung: Bà Bùi Thị Ngọc Tr và ông Nguyễn Thành C có 02 con chung tên Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/8/2004. Khi ly hôn, bà Tr đồng ý để ông C được nuôi cháu L. Riêng con chung Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thành L: Bà Bùi Thị Ngọc Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Ngọc Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:*** Ông Nguyễn Thành C và bà Bùi Thị Ngọc Tr tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/8/1997. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 02 năm nay ông C bệnh tật, kinh tế khó khăn nên bà Tr đã bỏ về nhà mẹ ruột bà Tr sinh sống, còn ông C và các con sống chung với nhau ở nhà trọ. Đã nhiều lần ông C khuyên bà Tr quay về sống chung với ông và các con nhưng bà Tr không đồng ý nên qua yêu cầu ly hôn của bà Tr thì ông C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Thành C và bà Bùi Thị Ngọc Tr có 02 con chung tên Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/8/2004. Khi ly hôn, bà Tr đồng ý để ông C được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L thì ông C thống nhất vì kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu L sống chung với ông C và cháu L cũng có nguyện vọng được sống với ông. Riêng con chung Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thành L: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:**

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà Tr và ông C đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, nhận thấy cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/8/2004 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với ông C nên căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu L cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thành L: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc Tr và bị đơn ông Nguyễn Thành C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông C kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương vào ngày 12/8/1997 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà Tr cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là ông C thường xuyên uống rượu say xỉn rồi về gây sự với và bà Tr. Khoảng gần 02 năm nay vợ chồng sống ly thân, mạnh ai người đó sống, không quan tâm gì đến nhau, nay bà Tr xác định không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành C. Về phía bị đơn ông Nguyễn Thành C cho rằng: Do ông C bệnh tật, kinh tế khó khăn nên bà Tr đã bỏ về mẹ ruột sinh sống khoảng 02 năm nay nên qua yêu cầu ly hôn của bà Tr, ông C đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Giữa bà Tr và ông C đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, phía bà Tr xác định không còn tình cảm với ông C, còn ông C thống nhất với yêu cầu ly hôn với bà Tr nên nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Tr và ông C đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa bà Tr và ông C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/8/2004. Nhận thấy, hiện cháu L đang do ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu L cũng có nguyện vọng sống cùng ông C. Về phía bà Tr cũng đồng ý để ông C được trực tiếp nuôi con nên việc giao cháu L cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng con chung Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thành L: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc Tr đối với bị đơn ông Nguyễn Thành C về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc Tr được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

- Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 11/8/2004 cho ông Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Riêng con chung Nguyễn Thành B, sinh ngày 16/7/1999 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thành L: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là Nguyễn Thành L, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc Tr phải chịu số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021-0001485 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Cường;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

Hồ Thị Hằng

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoa Hạnh